



TÌNH TRẠNG NHIỄM SÁN LÁ GAN LỚN TRÊN BÒ TẠI MỘT SỐ TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀ THỬ HIỆU QUẢ TẮY TRỪ

Hà Huỳnh Hồng Vũ¹, Nguyễn Hồ Bảo Trân² và Nguyễn Hữu Hưng²

¹Trường Đại học Đồng Tháp

²Khoa Nông nghiệp và Sinh học Ứng dụng, Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:

Ngày nhận: 05/08/2016

Ngày chấp nhận: 25/10/2016

Title:

Large liver fluke (*Fasciola sp.*) infection of cattle in the Mekong Delta and results of treatment trials

Từ khóa:

Bò, *Fasciola*, Tỷ lệ nhiễm, Cường độ nhiễm, Đồng bằng Sông Cửu Long

Keywords:

Cow, *Fasciola sp.*, prevalence, intensity, Mekong Delta

ABSTRACT

The study aimed to survey the prevalence of Fascioliasis in cattle in the Mekong Delta. A total of 2768 fecal samples and 773 necropsies cattle from 3 provinces (Ben Tre, Tra Vinh, Soc Trang) were collected to have liver flukes examined. Albendazole was evaluated its effecicacy in 30 infected cattles, having the *Fasciola* infective intensity from 2+. The results showed that cattles in Mekong Delta were infected by *Fasciola* with 15.30%. The infection rate of *Fasciola* in cattle in Ben Tre occupied the highest rate of 15.97%, followed by Tra Vinh with 15.78%, and the lowest one was in cattles in Soc Trang (14.33%). Domestic cattle had the higher infection rate than that of Sind hybrids cattle (16.28% and 15.73%, respectively), while dairy cows had the lowest infection rate with 7.07%. The infection rate increased in accordance with the host's ages. Methods of farming husbandry also had obvious effects on the prevalence of *Fasciola sp.* on cattle, namely 19.18% and 8.86% on partly free-range and confined cattle, respectively. All collected liver flukes in cattle in Mekong Delta were identified as *Fasciola gigantica*. The necropsied method also provided the similar results like the feces examination. The prevalence of *Fasciola* infection in cattle was 17.21%. The infection rate in Ben Tre, Tra Vinh and Soc Trang province was 17.78%; 17,51% and 16.26%, repectively. The efficacy of single-oral dose (15mg/kg) Albendazole against *Fasciola* in 10 days treatment was 100% (no *Fasciola* eggs in stool samples). Albendazole was generally safe with no side-effects recorded during the experiment period.

TÓM TẮT

Qua kiểm tra 2768 mẫu phân bò, mổ khám 773 con bò tại 3 tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, và Sóc Trăng thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) và tiến hành thử nghiệm với thuốc albendazole để tẩy trừ 30 bò nhiễm *Fasciola sp.* ở cường độ nhiễm từ 2+ trở lên. Kết quả cho thấy: tình hình nhiễm sán lá gan qua kiểm tra phân tại ĐBSCL chiếm tỷ lệ nhiễm 15,35%. Trong đó, bò ở tỉnh Bến Tre có tỷ lệ nhiễm sán lá gan 15,97% cao nhất, kế đến là bò nuôi ở tỉnh Trà Vinh (15,78%) và nhiễm thấp nhất là ở tỉnh Sóc Trăng (14,33%). Bò địa phương có tỷ lệ nhiễm 16,28% cao hơn tỷ lệ nhiễm của bò lai Sind 15,73% và nhiễm thấp nhất ở bò sữa 7,07%. Bò nhiễm sán lá gan có khuynh hướng tăng dần theo lứa tuổi. Phương thức nuôi có ảnh hưởng rõ rệt đến tỷ lệ nhiễm với 19,18% ở hình thức nuôi bán chăn thả và 8,86% đối với nuôi nhốt. Qua mổ khám, thu thập và định danh phân loài các mẫu sán lá gan lớn đang lưu hành và gây hại trên bò ở các tỉnh ĐBSCL là loài sán lá gan *Fasciola gigantica* với tỷ lệ nhiễm chung là 17,21%, trong đó bò tỉnh Bến Tre nhiễm 17,78% cao nhất, kế đến là bò ở tỉnh Trà Vinh (17,51%) và nhiễm thấp nhất ở bò tỉnh Sóc Trăng (16,26%). Kết quả này trùng hợp với kết quả kiểm tra phân trên địa bàn 3 tỉnh. Thuốc albendazole liều 15mg/kg thể trọng cho uống một lần duy nhất cho hiệu quả tẩy sạch sán lá gan 100% sau thời gian 10 ngày sử dụng thuốc. Thuốc an toàn và không gây phản ứng phụ trong điều trị.

Trích dẫn: Hà Huỳnh Hồng Vũ, Nguyễn Hồ Bảo Trân và Nguyễn Hữu Hưng, 2016. Tình trạng nhiễm sán lá gan lớn trên bò tại một số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long và thử hiệu quả tẩy trừ. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. Số chuyên đề: Nông nghiệp (Tập 2): 17-22.

1 MỞ ĐẦU

Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), bệnh sán lá gan lớn (SLGL) là một trong những vấn đề y tế quan trọng và được phát hiện ngày càng nhiều ở người và động vật. Bệnh SLGL ở người và động vật do hai loài *Fasciola gigantica* và *Fasciola hepatica* gây ra. Các nghiên cứu về bệnh SLGL trong những năm qua đã cho biết bệnh này nằm trong danh sách bệnh truyền lây giữa người và vật nuôi.

Các nghiên cứu cho thấy bệnh sán lá gan có nguồn gốc từ động vật, do vậy việc xác định loài gây bệnh đóng vai trò quan trọng trong chẩn đoán hữu hiệu bệnh trên gia súc cũng như trên người. Xét điều kiện tự nhiên và vị trí địa lý thì Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là khu vực ưu thế phát triển chăn nuôi bò nhờ tận dụng thức ăn thô xanh từ nguồn phụ phẩm phế phẩm nông nghiệp và công nghiệp chế biến. Tuy nhiên, phần lớn chăn nuôi tập trung trong các nông hộ với quy mô nhỏ, phương thức chăn nuôi tận dụng là chính, trình độ người chăn nuôi còn thấp, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi còn hạn chế và hình thức chăn nuôi chủ yếu là bán chăn thả nên bò dễ nhiễm giun sán. Đáng quan tâm hơn nữa khi tại Việt Nam, bệnh SLGL ở người có xu hướng tăng dần từ năm 2006 đến năm 2010 với số ca mắc bệnh là 15.764, đến năm 2011 số ca đã tăng lên con số trên 20.000. Bệnh được xác định phân bố ở 52 tỉnh thành từ Bắc vào Nam và loài gây bệnh được xác định chủ yếu là *Fasciola gigantica* (Nguyễn Văn Đề, 2012).

Vì vậy, để hạn chế thiệt hại do sán lá gan gây ra thì việc nghiên cứu tình trạng nhiễm sán lá gan lớn trên bò và thuốc tẩy trừ hữu hiệu tại ĐBSCL là rất cần thiết.

2 NỘI DUNG, NGUYÊN LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Nội dung nghiên cứu

- Xác định tình hình nhiễm sán lá gan trên bò tại các điểm khảo sát.
- Xác định thành phần loài sán lá gan lớn ký sinh trên bò.
- Thử hiệu lực của thuốc tẩy trừ.

2.2 Đối tượng khảo sát

- Khảo sát 2768 mẫu phân bò ở các lứa tuổi và các phương thức nuôi tại các địa phương thuộc tỉnh Bến Tre, Trà Vinh và Sóc Trăng.
- Khảo sát 773 con bò tại các lò giết mổ gia súc tập trung của các tỉnh Bến Tre, Trà Vinh và Sóc Trăng để thu thập các mẫu sán lá gan lớn.
- Chọn 35 bò lai Sind nhiễm sán lá gan lớn có cường độ 2+ (4 – 6 trứng/vi trường); 3+ (> 6 trứng/vi

trường) được phát hiện trong phương pháp kiểm tra phân và bố trí thử nghiệm thuốc xổ albendazole với 2 nghiệm thức (mỗi nghiệm thức 15 con) và 5 bò được chọn ngẫu nhiên để làm đối chứng.

- Thuốc albendazole.
- Kính hiển vi quang học, thước trắc vi vật kính, thước trắc vi thị kính và các dụng cụ thí nghiệm khác.

2.3 Phương pháp nghiên cứu

Được thực hiện với các phương pháp kiểm tra phân của Benedek để tìm trứng sán lá gan lớn.

Xác định các mức độ cường độ nhiễm bằng phương pháp đếm trứng sán lá gan lớn trên một vi trường kính hiển vi (Nguyễn Thị Kim Lan, 1999):

- 1 – 3 trứng/vi trường là nhiễm nhẹ: +
- 4 – 6 trứng/vi trường là nhiễm nặng: ++
- > 6 trứng/vi trường là nhiễm rất nặng : +++

Phương pháp tiến hành mổ khám từng phần của SKRJABINE để tìm sán lá gan lớn trên bò.

Định danh phân loài sán lá gan được dựa vào tài liệu của Phan Thế Việt, Nguyễn Thị Kỳ và Nguyễn Thị Lê (1977), dựa vào đặc điểm hình thái kích thước và cấu tạo của sán trưởng thành để xác định.

Xác định liều lượng, hiệu lực và tính an toàn của loại thuốc albendazole tẩy trừ sán lá gan.

Các số liệu thu thập được xử lý bằng trắc nghiệm Chi-Square trong Minitab 16.0 để so sánh tỷ lệ nhiễm.

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Kết quả xác định loài sán lá gan lớn ký sinh trên bò tại 3 tỉnh ĐBSCL

Bảng 1 cho thấy, kích thước chiều đo của các kiểu hình sán lá lớn ở 3 tỉnh của ĐBSCL có chiều dài là $35,28 \pm 0,48$, chiều rộng $10,73 \pm 0,09$, giác miệng $1,136 \pm 0,008$, giác bụng $1,612 \pm 0,011$ và tỷ lệ dài/rộng là $3,30 \pm 0,04$, biến động từ $30,25 \pm 0,42$ (mm) đến $38,43 \pm 0,61$ (mm) đối với chiều dài và từ $9,90 \pm 0,11$ (mm) đến $11,11$ (mm) đối với chiều rộng, tỷ lệ dài/rộng dao động từ $2,83 \pm 0,043$ (mm) đến $3,5 \pm 0,05$ (mm). Sán lá gan lớn có hình dạng giống như chiếc lá, có giác miệng và giác bụng tương đối gần nhau và nằm ở phần phía trước cơ thể, ruột phân nhánh và có tuyến noãn hoàng phân bố khắp cơ thể. Giác bụng thường to hơn giác miệng. Tinh hoàn và buồng trứng nằm ngay sau giác bụng và ở giữa cơ thể sán lá. Theo Phan Thế Việt và ctv. (1977) và Nguyễn Thị Lê (2007) thì 895 con sán lá gan lớn thu được ở 3 tỉnh của ĐBSCL đều thuộc loài *Fasciola gigantica*. Kết quả này phù hợp với nghiên

cứu của các tác giả trong và ngoài nước khi nhận định rằng loài sán lá gan *Fasciola gigantica* thường xuất hiện ở Châu Phi, và Châu A (Torgeson và Claxton, 1999). Ở Việt Nam, loài sán lá gan *Fasciola gigantica* được tìm thấy phân bố rộng khắp trên nhiều vùng địa lý khác nhau của Việt Nam trên gia súc như ở các tỉnh Cao Bằng, Nghệ An (Nguyễn Quốc Doanh và Lê Thanh Hòa, 2006), miền Trung

và Tây Nguyên (Đỗ Ngọc Ánh và ctv., 2011), Thái Nguyên, Bắc Kạn, Tuyên Quang (Nguyễn Thị Kim Lan và ctv., 2014), và ở Đồng Tháp (Hà Huỳnh Hồng Vũ và ctv., 2015). Kết quả trong nghiên cứu này đã khẳng định loài sán lá gan lớn đang lưu hành và gây hại trên bò ở các tỉnh ĐBSCL đều là loài sán lá gan *Fasciola gigantica*.

Bảng 1: Kích thước sán lá gan lớn thu thập trên bò tại 3 tỉnh ĐBSCL

Địa Điểm	SL	Chiều dài (mm)	Chiều rộng (mm)	Giác miệng (mm)	Giác bụng (mm)	Tỷ lệ dài/rộng
Bến Tre	337	30,25± 0,42	10,77± 0,14	1,184± 0,013	1,553± 0,018	2,83± 0,043
Trà Vinh	302	33,18 ± 0,34	9,90 ± 0,11	1,062 ± 0,007	1,290 ± 0,007	3,380 ± 0,029
Sóc Trăng	256	38,43 ± 0,61	9,98 ± 0,12	1,14 ± 0,009	1,69± 0,009	3,50 ± 0,05
ĐBSCL	895	35,28± 0,48	10,73± 0,09	1,136± 0,008	1,612± 0,011	3,30± 0,04

3.2 Tỷ lệ và cường độ nhiễm sán lá gan lớn trên bò tại 3 tỉnh ĐBSCL

3.2.1 Kết quả mổ khám

Qua mổ khảo sát 773 bò tại 3 tỉnh của ĐBSCL, Bảng 2 cho thấy bò tại 3 tỉnh có tỷ lệ nhiễm chung là 17,21% với cường độ nhiễm 6,73±0,31. Trong

đó, bò ở tỉnh Bến tre nhiễm 17,78% với cường độ nhiễm 7,02±0,48, bò tỉnh Trà Vinh nhiễm 17,51% với cường độ nhiễm 6,71±0,56, bò tỉnh Sóc Trăng nhiễm 16,26% với cường độ nhiễm 6,40±0,61. Phân tích thống kê cho thấy tỷ lệ bò nhiễm sán lá gan lớn trên bò ở 3 tỉnh không có sự sai khác.

Bảng 2: Tỷ lệ nhiễm sán lá gan lớn trên bò tại 3 tỉnh khảo sát

Tỉnh	Huyện	Số bò mổ khám	Số bò nhiễm	TLN (%)	Cường độ nhiễm (XTB±SE)
Bến Tre	Thanh Phú	98	19	19,39	5,79±0,54
	Ba Tri	80	13	16,25	9,00±1,13
	Mỏ Cày Bắc	92	16	17,39	6,88±0,77
Tổng		270	48	17,78 ^a	7,02±0,48
Trà Vinh	Cầu Ngang	78	13	16,67	5,77±0,65
	Duyên Hải	83	14	16,87	8,00±1,27
	Càng Long	96	18	18,75	6,39±0,87
Tổng		257	45	17,51 ^a	6,71±0,56
Sóc Trăng	Mỹ Xuyên	74	12	16,22	6,75±1,36
	Trần Đề	93	15	16,13	7,60±1,02
	Mỹ Tú	79	13	16,46	4,69±0,57
Tổng		246	40	16,26 ^a	6,40±0,61
ĐBSCL		773	133	17,21	6,73±0,31

TLN(%): tỷ lệ nhiễm; XTB: số sán trung bình; SE: sai số của số trung bình

Kết quả này thể hiện tỷ lệ nhiễm sán lá gan trên bò tại 3 tỉnh của ĐBSCL thấp hơn so với kết quả của

Nguyễn Thị Kim Lan và ctv. (2014) mổ khám 60 con bò tại 3 tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn và Tuyên Quang với tỷ lệ nhiễm là 36,67%.

3.2.2 Kết quả kiểm tra phân

Qua kiểm tra 2768 mẫu phân bò tại 9 huyện thuộc 3 tỉnh Bến Tre, Trà Vinh và Sóc Trăng thuộc vùng ĐBSCL để tìm sự hiện diện của trứng sán lá gan, Bảng 3 đã cho thấy bò có tỷ lệ nhiễm chung là 15,35%. Trong đó, bò ở tỉnh Bến Tre có tỷ lệ nhiễm sán lá gan 15,97% cao nhất, kế đến là bò nuôi ở tỉnh Trà Vinh (15,78%) và nhiễm thấp nhất là ở tỉnh Sóc Trăng (14,33%). Cường độ nhiễm chủ yếu tập trung ở mức độ thấp (+) 83,29%. Kết quả này thấp hơn kết

quả khảo sát của Nguyễn Hữu Hưng (2009) đã khảo sát 981 mẫu phân bò tại tỉnh Đồng Tháp cho kết quả tỷ lệ nhiễm là 53,31%, Nguyễn Đức Tân và ctv. (2010) cho biết kết quả xét nghiệm 335 mẫu phân bò của 3 tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa và Bình Định thuộc khu vực Nam Trung Bộ có tỷ lệ nhiễm sán lá gan lớn chung là 47,16% và Nguyễn Văn Diên (2015) kiểm tra 515 mẫu phân bò tại tỉnh Đồng Nai cho thấy tỷ lệ nhiễm sán lá gan lớn ở bò là 38,64%. Tỷ lệ nhiễm sán lá gan lớn giữa 3 tỉnh ĐBSCL tương đối thấp, qua phân tích thống kê cho thấy khác nhau

không có ý nghĩa thống kê. Tỷ lệ nhiễm chung giữa 3 tỉnh thấp do 3 tỉnh này có vị trí nằm tiếp giáp biển có nhiều vùng sinh thái nước mặn và nước lợ là nơi

không thích hợp cho các loài ốc nước ngọt ký chủ trung gian của các loài sán lá gan phát triển.

Bảng 3: Tỷ lệ nhiễm sán lá gan lớn trên bò tại 3 tỉnh khảo sát

Tỉnh	Huyện	SMKT	SMN	TLN (%)	Cường độ nhiễm					
					+		++		+++	
					SMN	TLN (%)	SMN	TLN (%)	SMN	TLN (%)
Bến Tre	Thạnh Phú	314	46	14,65	42	91,30	3	6,52	1	2,17
	Ba Tri	319	53	16,61	41	77,36	10	18,87	2	3,77
	Mỏ Cày Bắc	300	50	16,67	38	76,00	9	18,00	3	6,00
	Tổng	933	149	15,97 ^a	121	81,21	22	14,77	6	4,03
Trà Vinh	Cầu Ngang	296	47	15,88	40	85,11	4	8,51	2	4,26
	Duyên Hải	292	43	14,73	37	86,05	5	11,63	1	2,33
	Càng Long	312	52	16,67	42	80,77	7	13,46	3	5,77
	Tổng	900	142	15,78 ^a	119	83,80	16	11,27	6	4,23
Sóc Trăng	Mỹ Xuyên	325	47	14,46	39	82,98	6	12,77	1	2,13
	Trần Đề	316	44	13,92	37	84,09	5	11,36	2	4,55
	Mỹ Tú	294	43	14,63	38	88,37	4	9,3	1	2,33
	Tổng	935	134	14,33 ^a	114	85,07	15	11,19	4	2,99
ĐBSCL		2768	425	15,35	354	83,29	53	12,47	16	3,76

(Chú thích: các giá trị trên cùng 1 cột có các chữ cái khác nhau thì khác nhau có ý nghĩa thống kê $P < 0,01$); SMKT: số mẫu kiểm tra; SMN: số mẫu nhiễm; TLN(%): tỷ lệ nhiễm (%)

Bảng 4: Tỷ lệ nhiễm sán lá gan lớn theo giống bò tại 3 tỉnh ĐBSCL

Giống bò	Tỉnh điều tra											
	ĐBSCL			Bến Tre			Trà Vinh			Sóc Trăng		
	SMKS	SMN	TLN (%)	SMKS	SMN	TLN (%)	SMKS	SMN	TLN (%)	SMKS	SMN	TLN (%)
Bò sữa	198	14	7,07 ^a							198	14	7,07 ^a
Bò Lai Sind	1335	210	15,73 ^b	487	73	14,99 ^b	473	73	15,43 ^b	375	64	17,07 ^b
Bò địa phương	1235	201	16,28 ^b	446	76	17,04 ^b	427	69	16,16 ^b	362	56	15,47 ^b

(Chú thích: các giá trị trên cùng 1 cột có các chữ cái khác nhau thì khác nhau có ý nghĩa thống kê $P < 0,01$)

Bảng 4 cho thấy, ở ĐBSCL tỷ lệ nhiễm sán lá gan lớn bò địa phương (16,28%) cao hơn bò lai Sind (15,73%) và tỷ lệ nhiễm thấp nhất ở bò sữa (7,07%). Về tỷ lệ nhiễm sán lá gan lớn ở 3 giống bò thấy: tỷ lệ nhiễm giữa bò sữa với bò lai Sind cũng như bò địa

phương có sự sai khác có ý nghĩa thống kê. Trong khi đó, bò lai Sind và bò địa phương không có sự sai khác. Tỷ lệ nhiễm giữa các giống bò của mỗi tỉnh qua phân tích thống kê cũng cho kết quả tương tự như trên.

Bảng 5: Tỷ lệ nhiễm sán lá gan lớn theo lứa tuổi bò tại 3 tỉnh ĐBSCL

Tuổi	Địa điểm											
	ĐBSCL			Bến Tre			Trà Vinh			Sóc Trăng		
	SMKS	SMN	TLN (%)	SMKS	SMN	TLN (%)	SMKS	SMN	TLN (%)	SMKS	SMN	TLN (%)
<1 năm	732	46	6,28 ^a	275	19	6,91 ^a	215	14	6,51 ^a	242	13	5,37 ^a
1-2 năm	969	134	13,83 ^b	311	46	14,79 ^b	327	46	14,07 ^b	331	42	12,69 ^b
>2 năm	1067	245	22,96 ^c	347	84	24,21 ^c	358	82	22,91 ^c	362	79	21,82 ^c

(Chú thích: các giá trị trên cùng 1 cột có các chữ cái khác nhau thì khác nhau có ý nghĩa thống kê $P < 0,01$)

Tỷ lệ nhiễm sán lá gan ở bò sữa là thấp nhất, qua khảo sát thực tế cho thấy điều này là do bò sữa được nuôi theo phương thức nuôi nhốt, người chăn nuôi

chăm sóc có tốt hơn bò địa phương và bò lai Sind và thỉnh thoảng có tẩy trừ sán lá gan. Trong khi đó, bò địa phương và bò lai Sind ít được người dân quan tâm hơn.

Kết quả Bảng 5 cho thấy, tỷ lệ nhiễm sán lá gan lớn ở bò tại ĐBSCL tăng dần theo lứa tuổi, thấp nhất là bò <1 năm (6,28%); kế đến là bò 1 - 2 năm (13,83%), và cao nhất là bò >2 năm (22,96%). Qua phân tích thống kê cho thấy có sự sai khác rất có ý nghĩa giữa các lứa tuổi bò trong từng tỉnh khảo sát cũng như tại ĐBSCL ($p<0,01$). Kết quả trên hoàn toàn phù hợp với kết quả của các tác giả Patzelt và Ralf (1993), Lê Hữu Khương và ctv. (2001), Nguyễn Hữu Hưng và ctv. (2009) và Nguyễn Văn Diên (2015). Các tác giả trên khẳng định rằng, tỷ lệ

nhiễm sán lá gan trên bò phụ thuộc vào nhóm tuổi và tỷ lệ nhiễm tăng dần theo tuổi. Bò >2 năm tuổi có tỷ lệ nhiễm sán lá gan cao hơn các lứa tuổi khác là do tiếp xúc với môi trường lâu dài và do tuổi càng cao thì sức đề kháng càng giảm nên khả năng cảm nhiễm càng cao, đôi khi tái nhiễm nhiều lần. Còn bò <1 năm tuổi phần lớn là bú sữa mẹ nên việc tiếp xúc với môi trường sống có ấu trùng sán lá gan lớn ít hơn nên bò ở lứa tuổi 1-2 năm và >2 năm tuổi có tỷ lệ nhiễm sán lá gan có thấp hơn.

Bảng 6: Tỷ lệ nhiễm sán lá gan lớn trên bò theo phương thức nuôi tại 3 tỉnh ĐBSCL

Phương thức nuôi	Địa điểm											
	ĐBSCL			Bến Tre			Trà Vinh			Sóc Trăng		
	SMKS	SMN	TLN (%)	SMKS	SMN	TLN (%)	SMKS	SMN	TLN (%)	SMKS	SMN	TLN (%)
Nuôi nhốt	1027	91	8,86 ^a	296	24	8,11 ^a	356	35	9,83 ^a	375	32	8,53 ^a
Nuôi bán chăn thả	1741	334	19,18 ^b	637	125	19,62 ^b	544	107	19,67 ^b	560	102	18,21 ^b

(Chú thích: các giá trị trên cùng 1 cột có các chữ cái khác nhau thì khác nhau có ý nghĩa thống kê $P<0,01$)

Bảng 6 cho thấy, ở ĐBSCL tỷ lệ nhiễm sán lá gan lớn bò nuôi bán chăn thả (19,18%) cao hơn bò nuôi nhốt (8,86%). Qua phân tích thống kê về tỷ lệ nhiễm sán lá gan lớn giữa 2 phương thức nuôi ở ĐBSCL có sự sai khác rất có ý nghĩa thống kê ($p<0,01$). Tương tự ở các tỉnh Bến Tre, Trà Vinh và Sóc Trăng thì tỷ lệ nhiễm ở phương thức nuôi bán chăn thả cao hơn nuôi nhốt và khác biệt rất có ý nghĩa thống kê ($p<0,01$). Nguyễn Văn Diên (2015) khi nghiên cứu về một số đặc điểm dịch tễ và bệnh lý sán lá gan tại tỉnh Đồng Nai cho rằng, phương thức chăn nuôi có ảnh hưởng rõ rệt đến tỷ lệ nhiễm với 37,78% ở phương thức nuôi bán chăn thả và 6,52% đối với nuôi nhốt. Qua khảo sát thực tế cho thấy, ở ĐBSCL bò nuôi theo phương thức bán chăn thả thường được người dân thả lan trên các cánh đồng, có điều kiện tiếp xúc trực tiếp với mầm bệnh trên các bãi chăn. Vào mùa khô, do thiếu thức ăn lẫn

nước uống nên bò phải tìm ăn cỏ dọc theo các kênh rạch, ao hồ và uống nước ở đây nên khả năng nhiễm sán lá gan là rất cao. Bò nuôi theo phương thức nuôi nhốt được người chăn nuôi chăm sóc tốt và thính thoảng có tẩy trừ sán lá gan do đó tỷ lệ nhiễm thấp hơn.

3.3 Kết quả thử nghiệm tẩy trừ sán lá gan

Bảng 7 cho thấy, trong 30 bò nhiễm sán lá gan được tẩy trừ bằng thuốc albendazole với liều 15mg/kg thể trọng thì có 15 bò hoàn toàn sạch trứng, đạt hiệu quả 100% sau 10 đến 15 ngày sau tẩy trừ. Ở liều 10mg/kg thể trọng thì trong 15 bò thử nghiệm chỉ có 12 bò sạch trứng sau 15 ngày điều trị, đạt tỷ lệ 80%. Như vậy sử dụng thuốc albendazole với liều 15mg/kg thể trọng để tẩy trừ sán lá gan sẽ cho kết quả cao hiệu quả đạt 100%. Thuốc không gây phản ứng phụ.

Bảng 7: Hiệu quả của thuốc albendazole trong tẩy trừ sán lá gan lớn trên bò

Nghiệm thức	Hiệu lực của thuốc								Tỷ lệ bò sạch trứng (%)
	Trước tẩy		5 ngày sau tẩy		10 ngày sau tẩy		15 ngày sau tẩy		
	Số bò nhiễm sán lá	Số bò sạch trứng	Tỷ lệ sạch trứng sán	Số bò sạch trứng	Tỷ lệ sạch trứng sán	Số bò sạch trứng	Tỷ lệ sạch trứng sán		
ĐC (5 bò)	5	0	0/5	0	0/5	0	0/5	0/5 (0%)	
NT1 (15 bò)	15	5	5/15	10	10/15	12	12/15	12/15 (80%)	
NT2 (15 bò)	15	13	13/15	15	15/15	15	15/15	15/15 (100%)	

Nghiệm thức 1: 10mg/kgTT Nghiệm thức 2: 15mg/kgTT Đối chứng: không dùng thuốc

Đc: đối chứng, NT1: Nghiệm thức 1, NT2: Nghiệm thức 2

4 KẾT LUẬN

Qua khảo sát kiểm tra 2768 mẫu phân bò tại 9 huyện thuộc 3 tỉnh Bến Tre, Trà Vinh và Sóc Trăng thuộc vùng ĐBSCL với 3 lứa tuổi <1; 1-2; >2 năm tuổi thuộc 3 giống bò: bò sữa, bò lai Sind và bò địa phương; mổ khám 773 con bò và tiến hành thử nghiệm thuốc albendazole để tẩy trừ 30 bò nhiễm sán lá gan ở cường độ nhiễm từ 2+ trở lên. Chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

Bò tại 3 tỉnh Bến Tre, Trà Vinh và Sóc Trăng thuộc vùng ĐBSCL nhiễm trứng sán lá gan lớn chiếm tỷ lệ là 15,35%. Trong đó bò ở tỉnh Bến Tre có tỷ lệ nhiễm sán lá gan lớn là 15,97% cao nhất, kế đến là bò nuôi ở tỉnh Trà Vinh (15,78%) và nhiễm thấp nhất là bò nuôi ở tỉnh Sóc Trăng (14,33%). Cường độ nhiễm chủ yếu tập trung ở mức độ thấp (+) (83,29%) là phổ biến nhất. Bò địa phương có tỷ lệ nhiễm 16,28% cao hơn tỷ lệ nhiễm của bò lai Sind 15,73% và nhiễm thấp nhất ở bò sữa 7,07%. Bò nhiễm sán lá gan có khuynh hướng tăng dần theo lứa tuổi. Phương thức chăn nuôi có ảnh hưởng rõ rệt đến tỷ lệ nhiễm tỷ lệ nhiễm sán lá gan lớn bò nuôi bán chăn thả (19,18%) cao hơn bò nuôi nhốt (8,86%).

Kết quả của việc định danh phân loài các mẫu sán lá gan lớn đang lưu hành và gây hại trên bò ở các tỉnh ĐBSCL là loài sán lá gan *Fasciola gigantica*. Bò nhiễm sán lá gan *Fasciola gigantica* tại các tỉnh ĐBSCL có tỷ lệ nhiễm chung là 17,21%, trong đó bò tỉnh Bến Tre nhiễm 17,78% cao nhất, kế đến là bò ở tỉnh Trà Vinh (17,51%) và nhiễm thấp nhất ở bò tỉnh Sóc Trăng (16,26%). Kết quả này trùng hợp với kết quả kiểm tra phân trên địa bàn 3 tỉnh.

Thuốc albendazole liều 15mg/kg thể trọng cho uống một lần cho hiệu quả tẩy sạch sán lá gan 100%. Thuốc an toàn và không gây phản ứng phụ trong tẩy trừ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Đỗ Ngọc Ánh, Nguyễn Duy Bắc, Nguyễn Khắc Lực, Đặng Thị Cẩm Thạch, Lê Bách quang (2011). Xác định loài sán lá gan lớn gây bệnh ở bò khu vực miền Trung và Tây Nguyên (Việt Nam) bằng chỉ thị phân tử gen ty thể COI. *Tạp chí Y – Dược học quân sự*, 2: 96-101

- Nguyễn Văn Diên (2015). Một số đặc điểm dịch tễ học, bệnh lý bệnh sán lá gan ở bò tại một số huyện của tỉnh Đồng Nai. *Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Thú y*, 22 (5): 50-55.
- Nguyễn Văn Đê (2012). Thực trạng bệnh sán lá gan lớn *Fascioliasis* tại Việt Nam. *Tạp chí Phòng chống sốt rét và các bệnh ký sinh trùng* (5).
- Nguyễn Hữu Hưng (2009). Điều tra tình hình nhiễm sán lá gan trên bò tại một số địa phương tỉnh Đồng Tháp. *Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Thú y*, 16 (6): 51-55.
- Lê Hữu Khương, Nguyễn Văn Khanh, Huỳnh Hữu Lợi (2001). Tình hình nhiễm sán lá gan trên trâu bò thuộc các vùng sinh thái ở Việt Nam, *Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Thú y*, 7 (1): 36-40.
- Nguyễn Thị Kim Lan (1999). Bệnh giun sán đường tiêu hóa của dê địa phương ở một số tỉnh miền núi phía bắc Việt Nam và biện pháp phòng trị. Luận án tiến sỹ Nông nghiệp, Viện Thú y Quốc gia, tr. 55-91.
- Nguyễn Thị Kim Lan, Phạm Diệu Thùy, Trần Nhật Thăng, Trần Thị Phương Thảo (2014). Xác định loài sán lá gan ký sinh ở trâu bò tại tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn, Tuyên Quang và tương quan giữa số trứng sán trong phân, dịch mật với số lượng sán ký sinh. *Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Thú y*, 21 (7): 42-47.
- Nguyễn Thị Lê (2007). Động vật chí, tập 23: Sán lá ký sinh. NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- Patzelt, Ralf (1993), “*Studies on the epidemiology, pathogenesis and therapy and gigantocotylosis in waterbifaloes on the bunjab, Pakistan*” FU Berlin.
- Nguyễn Đức Tân, Nguyễn Văn Thoại, Nguyễn Thị Sâm, Lê Đức Quyết và Huỳnh Vũ Vỹ (2010). Tình hình nhiễm sán lá gan trâu bò và ấu trùng của chúng ở vật chủ trung gian tại một số tỉnh nam Trung bộ. *Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Thú y*, 22 (1).
- Torgerson P., Claxton J. (1999). Epidemiology and control. Dalton JP. Fasciolosis. CABI publishing, UK, 113-149.
- Phan Thế Việt, Nguyễn Thị Kỳ, Nguyễn Thị Lê (1977). *Giun sán ký sinh ở động vật Việt Nam*. NXB Khoa học Kỹ thuật.
- Hà Huỳnh Hồng Vũ, Nguyễn Hồ Bảo Trân, Nguyễn Hữu Hưng (2015). Đặc điểm hình thái và phân tử sán lá gan lớn ký sinh ở bò tại tỉnh Đồng Tháp. *Tạp chí Kkhoa học kỹ thuật Thú y*, 27 (6): 63-69.